

PHỤ LỤC**Giá đất cụ thể tính tiền bồi thường thực hiện dự án: Thủy điện Plei Kần hạ
tại huyện Ngọc Hồi và huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum***(Kèm theo Quyết định số: 1358 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Tên đơn vị hành chính, loại đất	Giá đất theo Bảng giá đất của tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh (lần)
1	Đất nông nghiệp tại thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum			
-	Đất trồng cây hàng năm khác	11.000	24.750	2,25
-	Đất trồng cây lâu năm	10.000	23.700	2,37
-	Đất trồng lúa 02 vụ	24.000	41.520	1,73
-	Đất trồng lúa 01 vụ	16.000	32.000	2,0
2	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum			
-	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ (<i>đất khu dân cư còn lại</i>)	176.000	264.000	1,50
3	Đất nông nghiệp tại xã Đăk Kan, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum			
-	Đất trồng cây hàng năm khác	10.000	22.500	2,25
-	Đất trồng cây lâu năm	9.000	21.330	2,37
-	Đất trồng lúa 02 vụ	23.000	39.790	1,73
-	Đất nuôi trồng thủy sản	14.000	26.880	1,92
4	Đất nông nghiệp tại xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum			
-	Đất trồng cây lâu năm	8.000	22.000	2,75
5	Đất nông nghiệp tại xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum			
-	Đất trồng cây hàng năm khác	10.000	23.700	2,37
-	Đất trồng cây lâu năm	10.000	23.700	2,37
-	Đất nuôi trồng thủy sản	15.000	27.000	1,80